TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2024/DS-ST
Ngày 04/9/2024
"V/v kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang
2. Ông Trần Hữu Lượng

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2024/TLST- DS, ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc Kiện đòi tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS, ngày 02/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Lục Văn D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn M (nay là thôn T), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn M (nay là thôn T), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 11/03/2018 ông Lục Văn D và vợ là bà Phạm Thị H, địa chỉ thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 11/3/2018 đến ngày 13/9/2018 (vay trong vòng 06 tháng). Khi vay tiền ông D, bà H

có để lại làm tin 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 284567, do Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01/2/2018 mang tên ông Lục Văn D. Đến thời hạn trả nợ ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông D, bà H không trả mà cứ khất nợ. Việc vay tiền trên hai bên có viết giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 11/3/2018 có nội dung: "Hôm nay vào hồi 09h ngày 11/3/2018 tại nhà ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thôn Đ, xã P, S, Tuyên Quang tên tôi là Lục Văn D, hiện đang công tác tại thôn M, xã T, huyện S, số CMND 070927127 ngày cấp 17/7/2017, nơi cấp Tuyên Quang, điện thoại: 0165345088. Người thừa kế Phạm Thị H, địa chỉ thôn M, xã T, S, số CMND 071028658 ngày cấp 17/7/2017, nơi cấp Tuyên Quang, điện thoại 0968092990 có mượn của ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thôn Đ, xã P, S, Tuyên Quang với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời gian mượn từ ngày 11/03/2018 đến ngày 13/9/2018. D. Thời hạn 06 tháng. Mục đích: 1 phần trả nợ ngân hàng. 1 phần đầu tư phát triển kinh tế. 1 phần sắm sửa nội thất trong gia đình. 1 phần trả nợ tín chấp và thế chấp hiệu cầm đồ. Tín chấp: 01 sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lục Văn D số sổ BT 284567…". Hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất tiền vay. Nay ông T đề nghị Tòa án buộc ông Lục Văn D và bà Phạm Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Về lãi suất, ông T không yêu cầu đề nghị gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có làm đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện với nội dung không đề nghị bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lục Văn D trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) do người vay trực tiếp là ông Lục Văn D, bà H chỉ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ trong trường hợp ông D không trả được nợ. Đến nay, ông T đề nghị Tòa án buộc ông Lục Văn D phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Về lãi suất không yêu cầu đề nghị gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi ông Lục Văn D và bà Phạm Thị H đến để làm việc nhưng đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Lục Văn D và bà Phạm Thị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M (nay là thôn T), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông D và H đều đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình nhưng không rõ đang ở địa chỉ cụ thể nào.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Lục Văn D phải thanh toán số tiền gốc cho ông Nguyễn Văn T là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông Lục Văn D phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lục Văn D trả nợ số tiền đã vay theo giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 11/3/2018. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp về hợp đồng dân sự (kiện đòi tài sản)* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn hiện đang cư trú tại xã T (nay là xã T), huyện S. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có làm đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện với nội dung không đề nghị bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lục Văn D trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông T đề nghị Tòa án buộc ông Lục Văn D phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[4] Ông Lục Văn D và bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xác định đã cho ông Lục Văn D vay số tiền là 100.000.000 đồng, đồng thời xuất trình chứng cứ, tài liệu là 01 giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 11/3/2018 có chữ ký của ông D. Do không lấy được lời khai của ông D, bà H nên ngày 15/7/2024 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông D trong giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 11/3/2018 do ông T cung cấp với chữ ký, chữ viết tại các tài liệu do Tòa án thu thập được tại Tờ khai chứng minh nhân dân số 927127 ngày 17/7/2017.

Tại kết luận giám định số 969/KL-KTHS, ngày 26/7/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh T kết luận: "Chữ ký, chữ viết ghi tên "D – Lục Văn D" dưới mục "Người mượn tiền" trên mẫu giám định Ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết "D – Lục Văn D" dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên mẫu giám định ký hiệu B1 là do cùng một người ký và viết.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn T cho ông Lục Văn D vay tiền là có thật và được chứng minh bằng Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Lục Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền đã vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[6] Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Ông Lục Văn D phải nộp án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T; ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Lục Văn D và đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Số tiền chi phí cho việc giám định là 3.360.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên ông Lục Văn D phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ thanh toán lại khoản tiền chi phí giám định cho ông T số tiền là 3.360.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Kiện đòi tài sản" của ông Nguyễn Văn T đối với ông Lục Văn D.

1. Buộc ông Lục Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và 3.360.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (giám định chữ ký, chữ viết), tổng cộng là 103.360.000đ (Một trăm linh ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lục Văn D chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Lục Văn D phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Tuấn Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan	**Nguyễn Văn Toàn**